Vietnam Tariff Intelligence

# HS 9818.13 detail

| | |
|---|---|
| **HS code** | 9818.13 |
| **Description** | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm (kể cả vòng đệm lò xo vênh) và các sản phẩm tương tự, bằng sắt hoặc thép: |
| **Unit** | |
| **Generated** | 04/11/2026 04:54:23 |
| **Data version** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Verification status** | Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified. |
| **Link** | https://vietnamtariff.com/hs-code/981813/ |

## 3 tariff lines under 9818.13

| HS code | Description | Unit | Ordinary import duty | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 9818.13.10 | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm (kể cả vòng đệm lò xo vênh) và các sản phẩm tương tự, bằng sắt hoặc thép: / - - Vít cho kim loại | | 5% | 0% | No data |
| 9818.13.10 | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm (kể cả vòng đệm lò xo vênh) và các sản phẩm tương tự, bằng sắt hoặc thép: / - - Vít cho kim loại | | 5% | 0% | No data |
| 9818.13.90 | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm (kể cả vòng đệm lò xo vênh) và các sản phẩm tương tự, bằng sắt hoặc thép: / - - Chốt hãm và chốt định vị | | 5% | 0% | No data |

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.